

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày: 29-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Bà Trần Thị Thanh Kiều.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38 /2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Tyết M (C), sinh năm 1979, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp B , xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); Chồng Trần Văn C; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2005 nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Tại Bản án số 59 ngày 04/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nộp tiền phạt và án phí xong ngày 09/02/2021; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/7/2005 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong thời gian thử thách án treo ngày 28/7/2009, nộp án phí xong ngày 15/02/2006. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo M là Luật sư Đinh Bửu L -Công ty Luật TNHH MTV B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

2. Hồ Thị Châu P (B), sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Văn B (đã mất) và bà Vương Thị T; chồng Nguyễn Thanh S; có 01 người con sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn X (đã mất) và bà Nguyễn Thị R; Chồng Nguyễn Văn T; Có 01 người con sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Lê Thị Hồng Nh, sinh năm: 1991, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn L và bà Lê Ngọc P; Chồng Nguyễn Văn N; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

5. Trần Thị T (C), sinh năm: 1978, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Đ và bà Phạm Thị T; Chồng Trần Văn T. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Nguyễn Văn K, sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị M ; Vợ Lê Thị Hồng Nh; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị can bị tạm giữ ngày 03/01/2021, đến ngày 09/01/2021 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 03-01-2021, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M mang theo 1.200.000 đồng, Lê Thị Hồng Nh mang theo 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn K mang theo 300.000 đồng, Trần Thị T mang theo 1.200.000 đồng, Hồ Thị Châu P mang theo 5.700.000 đồng và người nữ U không rõ lý lịch đến nhà của Ngô Thị Tuyết N thuộc ấp C, xã H, huyện G, rủ nhau đánh bạc. N đến tiệm tạp hóa gần nhà mua 03 bộ bài tây mang về nhà, rồi sử dụng 1.200.000 đồng cùng nhau đánh bài bửu thắng thua bằng tiền, giao ước làm cái xoay vòng, mỗi người làm cái hai ván xong sẽ chuyển cho người kế tiếp, mỗi ván mỗi người đặt cược từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng.

Hình thức đánh bạc là người làm cái lấy bộ bài tây 52 lá, loại bỏ 12 lá tây, còn lại 40 lá chia ra Nhều tụ tùy theo số người tham gia, mỗi tụ 4 lá bài. Sau khi chia bài, người tham gia bắt tụ bài của mình và bình bài (Chia bài thành 2 chi gồm chi đầu 2 lá bài và chi đuôi 2 lá bài). Sau đó, người làm cái mở bài từng tụ để xác định thắng thua theo quy ước của bài bửu; Nếu người đặt cược thắng thì sẽ được nhà cái chung tiền bằng với số tiền đặt cược, nếu thua thì nhà cái sẽ ăn hết số tiền đặt cược.

Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi P, N, Nh, M, T, K và U đang tham gia đánh bạc thì bị Công an huyện Gò Dầu bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 7.100.000 đồng, 40 lá bài tây và 02 bộ bài tây; thu giữ số tiền 4.500.000 đồng trên người của P dùng đánh bạc. Riêng U chạy thoát.

Quá trình điều tra, P, N, Nh, M, T, và K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. P, N, Nh, T và K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. M có 01 tiền án chưa được xóa án tích.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê vật chứng kèm theo.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh P, N, Nh, M, T, và K không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSGD ngày 15 tháng 03 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Tuyết M (C) mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Hồ Thị Châu P (B) mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt Ngô Thị Tuyết N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt Lê Thị Hồng Nh mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt Trần Thị T (C) mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Xử Nguyễn Văn K mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo M trình bày: Do bị cáo M thiếu hiểu biết về pháp luật nên đến ngày 09-02-2021 bị cáo mới chấp hành xong phần án phí và nộp phạt theo bản án số 59/2011/HS-ST ngày 04-08-2011 của Tòa án nhân dân huyện G; hiện tại bị cáo M đang thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Văn R là cậu của bị cáo, ngoài ra bị cáo còn hai con nhỏ đang đi học bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình nên áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền hoặc xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Khoảng 15 giờ ngày 03-01-2021, các bị cáo M, Nh, K, T, P và người nữ U không rõ lý lịch đến nhà của bị cáo N thuộc ấp C, xã H, huyện G, rủ nhau đánh bạc.

Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi các P, N, Nh, M, T, K và người tên U đang tham gia đánh bạc thắng thua thì bị Công an huyện G bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh là 11.600.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nên phải xử một mức án thật nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo M (C) đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” nên lần phạm tội này là tái phạm. Do đó trong vụ án này bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Các bị cáo P, N, Nh, T, K mới phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài ra các bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-8-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo M thì thấy: Bị cáo M đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” nên lần phạm tội này là tái phạm do đó Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 28/7/2005 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong thời gian thử thách án treo ngày 28/7/2009, nộp án phí xong ngày 15/02/2006 nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo M (C) có 01 tiền án về tội đánh bạc sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo P (B), N, Nh, T (C) và K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[8] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vật chứng:

Đối với 40 lá bài tây đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây chưa qua sử dụng các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 11.600.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa xét thấy các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Đối với người nữ tên U không rõ lý lịch Cơ quan cảnh sát điều tra không xác minh làm việc được, khi nào xác minh rõ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

[11] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M (C), Hồ Thị Châu P (B), Ngô Thị Tuyết N, Lê Thị Hồng Nh, Trần Thị T (C), Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Tuyết M (C) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 03-01-2021 đến ngày 09-01-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt Hồ Thị Châu P (B) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Ngô Thị Tuyết N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Thị Hồng Nh 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trần Thị T (C) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 40 lá bài tây đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 11.600.000 đồng.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M (C), Hồ Thị Châu P (B), Ngô Thị Tuyết N, Lê Thị Hồng Nh, Trần Thị T (C) và Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở tư pháp tỉnh nơi BC ĐKNKTT;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Hữu Tài